

Ngày 05/01/2018

**TỔNG HỢP THÔNG TIN TRONG NGÀY**
**THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**
**SDT:** Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%

SDT - CTCP Sông Đà 10 - Sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, tức 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.200 đồng. Trong đó, SDT sẽ thực hiện trả đợt 1 với tỷ lệ 6% từ ngày 31/1/2018, còn lại đợt 2 sẽ được thanh toán từ ngày 30/3/2018.

**SD4:** Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%

SD4 - CTCP Sông Đà 4 - Ngày 06/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2016, ngày đăng ký cuối cùng là 09/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 26/2.

**SMN:** Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%

SMN - CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam - Ngày 15/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 16/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 31/1/2018.

**DQC:** Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%

DQC - CTCP Bóng đèn Điện Quang - Ngày 18/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 ngày đăng ký cuối cùng là 19/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 29/1/2018.

**TIN TIN TẾ TRONG NƯỚC NỔI BẬT**
**Ngành ngân hàng kỳ vọng tăng trưởng tín dụng quý I/2018 đạt 4,74%**

Theo kết quả cuộc điều tra xu hướng kinh doanh mới nhất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Dự báo, thống kê) tiến hành vào tháng 12/2017, thực trạng và môi trường kinh doanh của đa số các tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp tục có chuyển biến tích cực. Chi tiết xin xem tại: <https://www.stockbiz.vn/News/2018/1/5/787213/nganh-ngan-hang-ky-vong-tang-truong-tin-dung-quy-i-2018-dat-4-74.aspx>

**Giá nhà tại Hà Nội và Tp.HCM giảm đều các phân khúc**

Dù được đánh giá là một năm khá sôi động và tương đối thành công về thanh khoản song thị trường bất động sản tại Hà Nội và Tp.HCM vẫn không tránh khỏi xu hướng giảm giá bán trên toàn thị trường. Chi tiết xin xem tại: <http://vneconomy.vn/gia-nha-tai-ha-noi-va-tphcm-giam-deu-cac-phan-khuc-20180105093904525.htm>

**Ngày 05/01: Tỷ giá trung tâm ở mức 22.407 đồng, tăng 4 đồng so với phiên trước đó**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ, áp dụng cho ngày hôm nay là 22.407 đồng, giảm 4 đồng so với hôm qua. Vietcombank niêm yết tỷ giá USD/VND ở mức 22.675 đồng mua tiền mặt và 22.745 đồng bán ra. Tại ngân hàng Eximbank, tỷ giá USD niêm yết ở mức 22.650 đồng mua vào và 22.740 đồng bán ra.

**Sáng ngày 05/01: Giá vàng SJC ở mức 36,50 - 36,70 triệu đồng/lượng**

Theo niêm yết giá vàng SJC tại Công ty VBDQ Sài Gòn sáng nay (5/1), giá mua vàng đang ở mức 36,50 triệu đồng/lượng; giá bán ra là 36,70 triệu đồng/lượng, tăng 60.000 đồng/lượng so với phiên trước trong khi chênh lệch giá mua – bán giữ nguyên 200.000 đồng/lượng. Giá vàng thế giới tiếp tục tăng lên mức cao nhất trong vòng hơn 3 tháng qua khi chỉ số USD giảm thấp và chỉ số chứng khoán Mỹ tăng kỷ lục. Giá vàng cũng có phần bị tác động từ báo cáo việc làm quốc gia của ADP tại Mỹ đã cho thấy, mức tăng 250.000 việc làm, cao hơn mức dự kiến 195.000 việc làm trước đó.

**TỔNG QUAN TTCK QUỐC TẾ**

| KHU VỰC | CHỈ SỐ     | +/-      | ĐIỂM      |
|---------|------------|----------|-----------|
| MỸ      | Dow Jones  | ↑ 152.45 | 25,075.13 |
|         | Nasdaq     | ↑ 12.38  | 7,077.91  |
|         | S&P 500    | ↑ 10.93  | 2,723.99  |
| CHÂU ÂU | FTSE 100   | ↑ 13.51  | 7,709.39  |
|         | DAX        | ↑ 91.78  | 13,259.67 |
|         | CAC 40     | ↑ 33.05  | 5,446.74  |
| CHÂU Á  | Nikkei 225 | ↑ 208.20 | 23,714.53 |
|         | Hang Seng  | ↑ 78.16  | 30,814.64 |
|         | Shanghai   | ↑ 41.88  | 3,349.05  |

**TIN QUỐC TẾ NỔI BẬT**
**Ngày 04/01: Chỉ số Dow Jones tăng 0.61%, lên 25,075.13 điểm**

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Năm, chỉ số Dow Jones tiến 152.45 điểm (tương đương 0.61%) lên 25,075.13 điểm, chỉ số S&P 500 cộng 10.93 điểm (tương đương 0.40%) lên 2,723.99 điểm và chỉ số Nasdaq Composite nhích 12.38 điểm (tương đương 0.18%) lên 7,077.92 điểm. Số cổ phiếu tăng vượt số cổ phiếu giảm trên sàn New York theo tỷ lệ 1.46:1. Trên sàn Nasdaq, tỷ lệ này là 1.50:1.

**Ngày 04/01: Dầu WTI tăng 0.6%, lên 62.01 USD/thùng**

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Năm, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 2 trên sàn Nymex tiến 38 xu (tương đương 0.6%) lên 62.01 USD/thùng, mức đóng cửa cao nhất kể từ tháng 12/2014. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 2 trên sàn Luân Đôn nhích 23 xu (tương đương 0.3%) lên 68.07 USD/thùng, mức đóng cửa cao nhất trong 3 năm.

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp)

Cập nhật ngày 05/01/2018

Ngày 05/01/2018

**TỔNG HỢP DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**
**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**

Thay đổi (điểm) ↓ **-7,10/-0,70%**

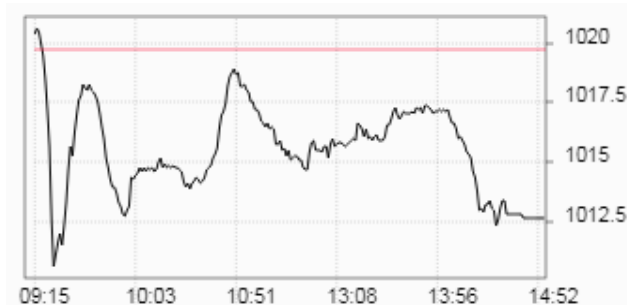
Giá trị (điểm) ↓ **1,012.65**

Khối lượng (cp) **284,030,772**

Giá trị (tỷ đồng) **7,727.76**

Số cp tăng giá ↑ **123**

Số cp giảm giá ↓ **165**

Số cp đứng giá → **62**
**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL        | Thay đổi                                  |
|-----|------|------|------|------|-----------|-------------------------------------------|
| HVG | 7.9  | 8.3  | 8.3  | 7.8  | 1,344,200 | <span style="color: green;">↑</span> 7.0% |
| JVC | 5.3  | 5.4  | 5.4  | 5.1  | 4,003,030 | <span style="color: green;">↑</span> 7.0% |
| HVX | 4.3  | 4.3  | 4.3  | 4.3  | 10        | <span style="color: green;">↑</span> 7.0% |
| TDW | 21.5 | 23.8 | 23.8 | 21.5 | 220       | <span style="color: green;">↑</span> 7.0% |
| C47 | 16.2 | 17.7 | 17.7 | 16.1 | 264,900   | <span style="color: green;">↑</span> 7.0% |

**TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**

Thay đổi (điểm) ↓ **-0,58/-0,49%**

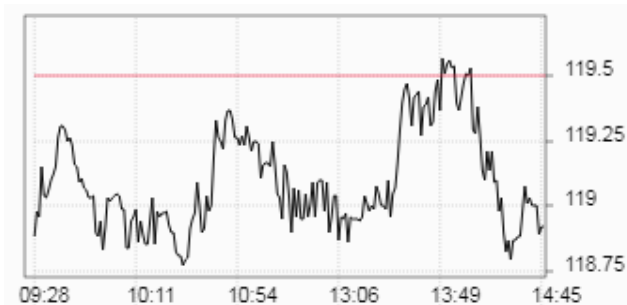
Giá trị (điểm) ↓ **118.92**

Khối lượng (cp) **72,375,451**

Giá trị (tỷ đồng) **1,331.59**

Số cp tăng giá ↑ **79**

Số cp giảm giá ↓ **109**

Số cp đứng giá → **186**
**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX**


| Mã  | Mở   | Đóng | Cao  | Thấp | KL      | Thay đổi                                   |
|-----|------|------|------|------|---------|--------------------------------------------|
| D11 | 13.9 | 14.3 | 14.3 | 13.9 | 400     | <span style="color: green;">↑</span> 10.0% |
| MNC | 5.3  | 5.5  | 5.5  | 5.3  | 1,060   | <span style="color: green;">↑</span> 10.0% |
| KHB | 1    | 1.1  | 1.1  | 0.9  | 304,060 | <span style="color: green;">↑</span> 10.0% |
| SDU | 12.2 | 12.2 | 12.2 | 12.2 | 100     | <span style="color: green;">↑</span> 9.9%  |
| TV3 | 40.1 | 40.1 | 40.1 | 40.1 | 2,700   | <span style="color: green;">↑</span> 9.9%  |

**TỔNG QUAN GD NĐTNN**

| TỔNG KL (CỔ PHIẾU) | SÀN HCM          | SÀN HN            |
|--------------------|------------------|-------------------|
| MUA                | 20,264,666       | 2,130,630         |
| BÁN                | 10,760,206       | 9,888,743         |
| MUA - BÁN          | <b>9,504,460</b> | <b>-7,758,113</b> |

**SÀN HCM và SÀN HN**

Ngày 05/01, khối ngoại mua ròng hơn 394 tỷ đồng trên HOSE và bán ròng hơn 264,9 tỷ đồng trên HNX. Cụ thể, trên sàn HOSE, họ đã mua vào hơn 20 triệu cổ phiếu (trị giá 1.069 tỷ đồng) và bán ra hơn 10,7 triệu cổ phiếu (trị giá 675 tỷ đồng). Trên sàn HNX, họ mua vào hơn 2 triệu cổ phiếu (trị giá 51,1 tỷ đồng) và bán ra gần 10 triệu cổ phiếu (trị giá 316 tỷ đồng).

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp:...)

Ngày 05/01/2018

**TỈ LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX**

Vốn hóa thị trường (Ngày 04/01/2017): 2,711,089.00 tỷ đồng

Giá trị VN-INDEX (Ngày 04/01/2017): 1,019.75 điểm

Cập nhật ngày 05/01/2018

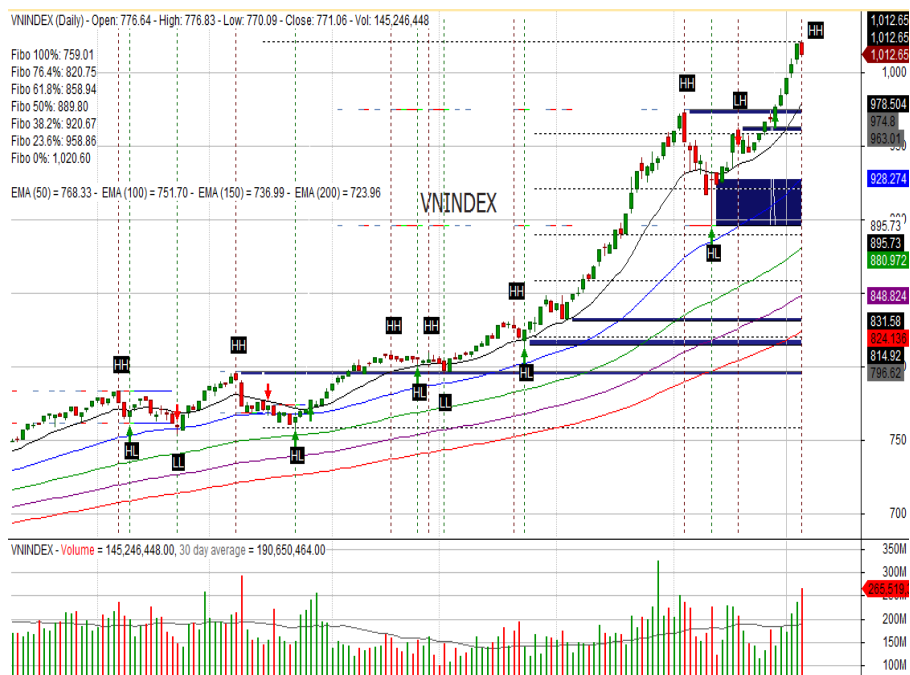
| Mã CK | Tỷ lệ ảnh hưởng | KL niêm yết   | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/-  | %     | KL khớp   | Điểm ảnh hưởng |
|-------|-----------------|---------------|----------------|----------|------|-------|-----------|----------------|
| VNM   | 11.5%           | 1,451,453,429 | 214.8          | 213.5    | -1.3 | -0.6% | 518,860   | <b>-0.72</b>   |
| VIC   | 7.9%            | 2,637,707,954 | 81             | 80       | -1.0 | -1.2% | 2,825,160 | <b>-1.00</b>   |
| VCB   | 7.4%            | 3,597,768,575 | 55.4           | 54       | -1.4 | -2.5% | 2,045,200 | <b>-1.90</b>   |
| GAS   | 7.2%            | 1,913,950,000 | 102            | 100.4    | -1.6 | -1.6% | 829,840   | <b>-1.15</b>   |
| SAB   | 6.3%            | 641,281,186   | 267.5          | 264.3    | -3.2 | -1.2% | 131,870   | <b>-0.77</b>   |
| PLX   | 3.8%            | 1,293,878,081 | 78.6           | 79       | 0.4  | 0.5%  | 1,368,060 | <b>0.20</b>    |
| CTG   | 3.5%            | 3,723,404,556 | 25.7           | 25.1     | -0.6 | -2.3% | 3,071,940 | <b>-0.84</b>   |
| MSN   | 3.5%            | 1,157,373,974 | 82.5           | 84.7     | 2.2  | 2.7%  | 553,920   | <b>0.96</b>    |
| BID   | 3.5%            | 3,418,715,334 | 27.55          | 27.4     | -0.2 | -0.5% | 1,908,830 | <b>-0.19</b>   |
| VRE   | 3.3%            | 1,901,078,733 | 47.2           | 47       | -0.2 | -0.4% | 1,664,520 | <b>-0.14</b>   |
| ROS   | 2.9%            | 472,999,999   | 164            | 165.7    | 1.7  | 1.0%  | 1,418,070 | <b>0.30</b>    |
| HPG   | 2.7%            | 1,517,079,000 | 48.2           | 48       | -0.2 | -0.4% | 3,660,450 | <b>-0.12</b>   |
| VJC   | 2.5%            | 451,343,284   | 148.9          | 148.9    | 0.0  | 0.0%  | 873,240   | <b>0.00</b>    |
| VPB   | 2.2%            | 1,332,689,035 | 44.9           | 44.4     | -0.5 | -1.1% | 2,611,280 | <b>-0.25</b>   |
| MBB   | 1.8%            | 1,815,505,363 | 26.35          | 26.15    | -0.2 | -0.8% | 9,788,120 | <b>-0.14</b>   |
| BVH   | 1.7%            | 680,471,434   | 67.7           | 66.2     | -1.5 | -2.2% | 881,940   | <b>-0.38</b>   |
| NVL   | 1.6%            | 622,828,788   | 67.6           | 68.2     | 0.6  | 0.9%  | 1,082,960 | <b>0.14</b>    |
| MWG   | 1.5%            | 307,765,789   | 134.9          | 133.4    | -1.5 | -1.1% | 733,030   | <b>-0.17</b>   |
| BHN   | 1.2%            | 231,800,000   | 142            | 139.5    | -2.5 | -1.8% | 19,020    | <b>-0.22</b>   |
| FPT   | 1.2%            | 530,961,105   | 61             | 60       | -1.0 | -1.6% | 2,851,450 | <b>-0.20</b>   |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, Cophieu68, HOSE)

Ngày 05/01/2018

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-INDEX



30% cash

70% stocks

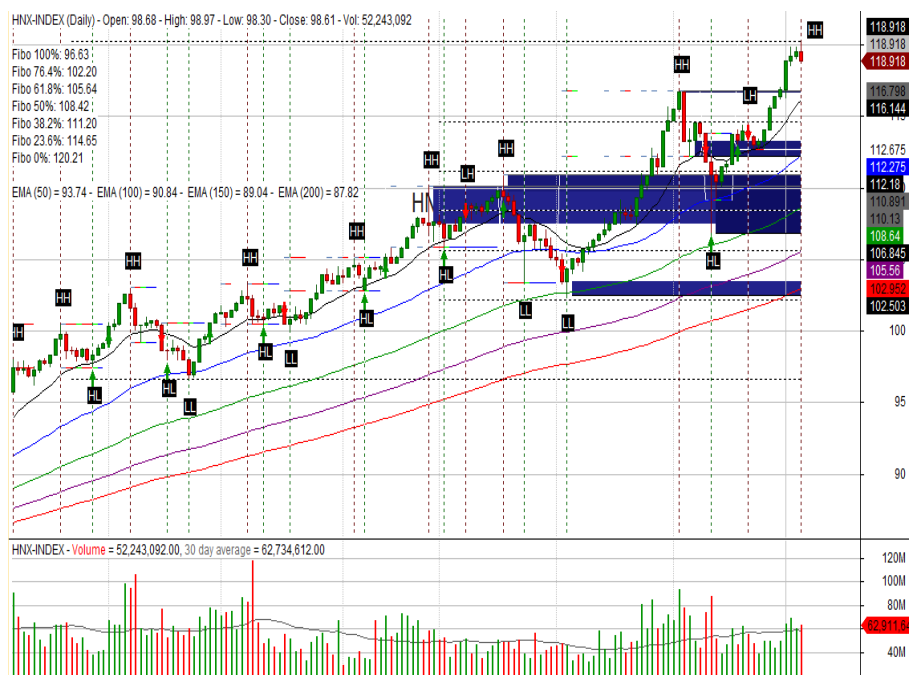
Vùng mua:

1.000 - 1.010

Vùng chốt lời ngắn hạn:

1.020 - 1.030

### HNX-INDEX



30% cash

70% stocks

Vùng mua:

118.0 - 119.0

Vùng chốt lời ngắn hạn:

120.0 - 121.0

### Phân tích kỹ thuật

**Nhận định:** Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Vn-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất tại 1.000 - 1.010 điểm. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 30% cash/ 70% stocks.

**Khuyến nghị ngắn hạn:**

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Vn-Index được dự báo nằm tại 1.000 - 1.010 điểm. Đây được xem là điểm mua vào tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Xem xét bán ra khi thủng ngưỡng hỗ trợ 1.000. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 980 - 990 điểm.

Trong kịch bản tích cực, vùng 1.020 - 1.030 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là điểm bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 1.040 - 1.050 điểm.

#### Chỉ báo kỹ thuật

| Trend | Momentum     | Volatility |
|-------|--------------|------------|
| ADX   | ↑ ROC        | ↑ BBs      |
| MA    | ↑ RSI        | ↑ SD       |
| MACD  | ↑ Stochastic | ↑ ATR      |
| PSAR  | ↑ %R         | ↑ Volume   |
| Aroon | ↑ MFI        | ↑ Volume   |

### Phân tích kỹ thuật

**Nhận định:** Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Hnx-Index sẽ kiểm tra vùng hỗ trợ gần nhất tại 118.0 - 119.0 điểm. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 30% cash/ 70% stocks.

**Khuyến nghị ngắn hạn:**

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Hnx-Index được dự báo nằm tại 118.0 - 119.0 điểm. Đây được xem là điểm mua vào tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Xem xét bán ra khi thủng ngưỡng hỗ trợ 118.0. Vùng hỗ trợ tiếp theo ở mức 116.0 - 117.0.

Trong kịch bản tích cực, vùng 120.0 - 121.0 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là điểm bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Vùng kháng cự tiếp theo ở mức 122.0 - 123.0 điểm.

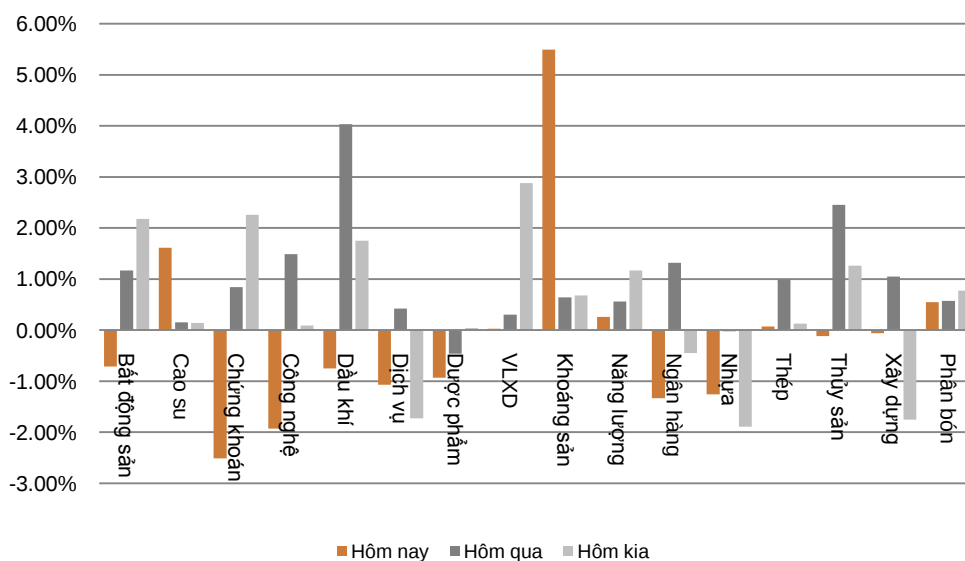
#### Chỉ báo kỹ thuật

| Trend | Momentum     | Volatility |
|-------|--------------|------------|
| ADX   | ↑ ROC        | ↑ BBs      |
| MA    | ↑ RSI        | ↑ SD       |
| MACD  | ↑ Stochastic | ↑ ATR      |
| PSAR  | ↑ %R         | ↑ Volume   |
| Aroon | ↑ MFI        | ↑ Volume   |

Ngày 05/01/2018

**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ NGÀNH**

| Ngành        | Thay đổi |
|--------------|----------|
| Bất động sản | ↓ -0.71% |
| Cao su       | ↑ 1.61%  |
| Chứng khoán  | ↓ -2.51% |
| Công nghệ    | ↓ -1.93% |
| Dầu khí      | ↓ -0.75% |
| Dịch vụ      | ↓ -1.07% |
| Dược phẩm    | ↓ -0.93% |
| VLXD         | ↑ 0.03%  |
| Khoáng sản   | ↑ 5.49%  |
| Năng lượng   | ↑ 0.26%  |
| Ngân hàng    | ↓ -1.33% |
| Nhựa         | ↓ -1.26% |
| Thép         | ↑ 0.07%  |
| Thủy sản     | ↓ -0.12% |
| Xây dựng     | ↓ -0.06% |
| Phân bón     | ↑ 0.55%  |

**BIỂU ĐỒ NGÀNH**

**CHI TIẾT NGÀNH**

| Ngành       | Mã chứng khoán | Giá tham chiếu | Giá khớp | ±      | %       | KLGD      |
|-------------|----------------|----------------|----------|--------|---------|-----------|
| Cao su      | HNG            | 9.45           | 9.55     | ↑ 0.1  | ↑ 1.1%  | 2,866,020 |
|             | DRC            | 25.6           | 26.7     | ↑ 1.1  | ↑ 4.3%  | 1,368,240 |
|             | CSM            | 16.55          | 16.8     | ↑ 0.3  | ↑ 1.5%  | 691,990   |
| Chứng khoán | SSI            | 30.1           | 28.9     | ↓ -1.2 | ↓ -4.0% | 8,352,050 |
|             | VCI            | 84.9           | 83.2     | ↓ -1.7 | ↓ -2.0% | 18,410    |
|             | HCM            | 63.1           | 61.6     | ↓ -1.5 | ↓ -2.4% | 161,750   |
| Khoáng sản  | MSR            | 25             | 28       | ↑ 3.0  | ↑ 12.0% | 531,500   |
|             | KSB            | 45             | 45.3     | ↑ 0.3  | ↑ 0.7%  | 468,100   |
|             | LBM            | 33.85          | 36.05    | ↑ 2.2  | ↑ 6.5%  | 10        |
| Năng lượng  | NT2            | 34.7           | 34.1     | ↓ -0.6 | ↓ -1.7% | 238,420   |
|             | PPC            | 23             | 22.35    | ↓ -0.7 | ↓ -2.8% | 334,570   |
|             | QTP            | 8.2            | 8.1      | ↓ -0.1 | ↓ -1.2% | 900       |
| Ngân hàng   | VCB            | 55.4           | 54       | ↓ -1.4 | ↓ -2.5% | 2,045,200 |
|             | CTG            | 25.7           | 25.1     | ↓ -0.6 | ↓ -2.3% | 3,071,940 |
|             | BID            | 27.55          | 27.4     | ↓ -0.2 | ↓ -0.5% | 1,908,830 |

Cập nhật ngày 05/01/2018

Ngày 05/01/2018

**ĐẦU TƯ THEO NHÓM NGÀNH**

| Ngành        | Biến động tuần (%) | Cổ phiếu nổi bật        | Thông tin cập nhật                                                                                                       |
|--------------|--------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bất động sản | ↑ 3.31%            | VIC, PDR, DIG, DXG, SCR | Thị trường BĐS đã đi quá nửa năm 2017 với nhiều chuyển biến tích cực.                                                    |
| Cao su       | ↑ 1.59%            | CSM, DRC, SRC           | Giá bán sảm lốp sụt giảm do áp lực cạnh tranh tăng cao.                                                                  |
| Chứng khoán  | ↑ 5.10%            | HCM, SSI, VND           | Triển vọng nâng hạng TTCK Việt Nam – yếu tố tạo kỳ vọng.                                                                 |
| Công nghệ    | ↑ 0.40%            | FPT, CMG, ELC           | Theo dự báo của NASSCOM, nhu cầu phần mềm thế giới sẽ tăng trưởng từ 15-20% trong giai đoạn 2016-2020.                   |
| Dầu khí      | ↑ 4.79%            | GAS, PVC, PVD, PVS      | Ngành Dầu khí tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến giá dầu.                                                     |
| Dịch vụ      | ↑ 1.02%            | PAN, SKG, VNG, DSN      | Dự báo năm 2017, tổng thu du lịch ước đạt 480.000 tỷ đồng (+20%).                                                        |
| Dược phẩm    | ↓ -0.16%           | DCL, DHG, DMC, IMP      | Theo dự báo của BMI ngành dược sẽ tiếp tục đạt mức tăng trưởng với hai con số trong giai đoạn 5 năm tới khoảng 11,8%.    |
| VLXD         | ↑ 3.25%            | HT1, BCC                | Cuộc đua giành thị phần tiêu thụ xi măng sẽ khốc liệt.                                                                   |
| Khoáng sản   | ↑ 5.48%            | NBC, TC6, TCS, TDN      | Ngành khoáng sản hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn.                                                                    |
| Năng lượng   | ↑ 4.73%            | BTP, PPC, VSH, NT2      | Kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ từ ngành thủy điện.                                                                          |
| Ngân hàng    | ↑ 2.02%            | VCB, BID, CTG, MBB, SHB | Triển vọng ngành ngân hàng thể hiện từ dự báo KQKD khả quan.                                                             |
| Nhựa         | ↑ 0.63%            | BMP, NTP, AAA           | Từ 01/01/2017, hạt nhựa PP nhập khẩu sẽ bị áp thuế 3% thay vì 1% làm giảm biên lợi nhuận gộp.                            |
| Thép         | ↑ 3.75%            | HPG, HSG, VGS, NKG      | Thép phục hồi mạnh, nhưng triển vọng không chắc chắn.                                                                    |
| Thủy sản     | ↑ 3.29%            | FMC, HVG, IDI, VHC      | Ngành Thủy sản sẽ vẫn gặp nhiều khó khăn trong năm 2017.                                                                 |
| Xây dựng     | ↑ 4.92%            | CTD, PXS, VCG, VNE      | Ngành xây dựng Việt Nam gần đây ghi nhận kỉ lục tăng trưởng kép 19%.                                                     |
| Phân bón     | ↑ 3.48%            | FMC, HVG, IDI, VHC      | Ngành Phân bón đang trong giai đoạn khó khăn khi chịu áp lực cạnh tranh từ phân bón nhập khẩu cũng như nạn phân bón giả. |

Cập nhật ngày 05/01/2018

Ngày 05/01/2018

**GIÁ CẢ HÀNG HÓA THẾ GIỚI**

| Năng lượng  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |         | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm   |                    |
| Crude Oil   | 61.4622 ↓    | -0.82% ↑ | 1.78% ↑  | 9.89% ↑  | 13.90%  | 05/01/2018         |
| Brent       | 67.6814 ↓    | -0.76% ↑ | 1.23% ↑  | 10.57% ↑ | 18.55%  | 05/01/2018         |
| Natural gas | 2.7995 ↓     | -2.95% ↓ | -5.21% ↓ | -4.20% ↓ | -14.79% | 05/01/2018         |
| Gasoline    | 1.7935 ↓     | -0.81% ↓ | -0.29% ↑ | 8.01% ↑  | 9.79%   | 05/01/2018         |
| Heating oil | 2.062 ↓      | -0.91% ↓ | -0.63% ↑ | 10.80% ↑ | 21.09%  | 05/01/2018         |
| Ethanol     | 1.3112 ↓     | -0.52% ↑ | 0.32% ↓  | -2.87% ↓ | -12.99% | 05/01/2018         |

| Kim loại  | Giá hiện tại | Thay đổi |         |          |        | Thời gian cập nhật |
|-----------|--------------|----------|---------|----------|--------|--------------------|
|           |              | 1 Ngày   | 1 Tuần  | 1 Tháng  | 1 Năm  |                    |
| Gold      | 1315.33 ↓    | -0.42% ↑ | 0.98% ↑ | 4.06% ↑  | 12.15% | 05/01/2018         |
| Silver    | 17.1864 ↓    | -0.37% ↑ | 1.43% ↑ | 7.66% ↑  | 4.30%  | 05/01/2018         |
| Platinum  | 959.5 ↓      | -0.03% ↑ | 3.79% ↑ | 6.41% ↓  | -0.77% | 05/01/2018         |
| Palladium | 1094.25 ↓    | -0.18% ↑ | 3.16% ↑ | 10.16% ↑ | 44.73% | 05/01/2018         |

| Nông nghiệp  | Giá hiện tại | Thay đổi |          |           |         | Thời gian cập nhật |
|--------------|--------------|----------|----------|-----------|---------|--------------------|
|              |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng   | 1 Năm   |                    |
| Oat          | 247.06 ↑     | 0.51% ↑  | 2.51% ↑  | 6.49% ↑   | 8.36%   | 05/01/2018         |
| Coffee       | 128.95 ↓     | -0.46% ↑ | 2.18% ↑  | 2.54% ↓   | -9.73%  | 05/01/2018         |
| Soybeans     | 962.1736 ↑   | 0.31% ↑  | 1.12% ↓  | -4.02% ↓  | -2.39%  | 05/01/2018         |
| Wheat        | 432.6876 ↓   | -0.35% ↑ | 1.33% ↑  | 8.58% ↑   | 2.23%   | 05/01/2018         |
| Cotton       | 79.33 ↑      | 0.10% ↑  | 0.89% ↑  | 5.53% ↑   | 7.22%   | 05/01/2018         |
| Rice         | 11.4566 ↑    | 0.57% ↓  | -0.66% ↓ | -6.68% ↑  | 17.56%  | 05/01/2018         |
| Cheese       | 1.523 ↓      | -7.59% ↓ | -7.42% ↓ | -7.02% ↓  | -9.93%  | 05/01/2018         |
| Palm Oil     | 2555 ↑       | 0.51% ↑  | 4.71% ↑  | 4.50% ↓   | -20.16% | 05/01/2018         |
| Milk         | 14.02 ↓      | -0.21% ↓ | -8.96% ↓ | -9.08% ↓  | -15.64% | 05/01/2018         |
| Canola       | 499.5 ↑      | 1.88% ↑  | 3.98% ↓  | -1.67% ↑  | 1.50%   | 05/01/2018         |
| Lumber       | 455.7 ↓      | -0.24% ↑ | 1.92% ↑  | 7.86% ↑   | 44.53%  | 05/01/2018         |
| Rubber       | 202.8 ↓      | -1.65% ↓ | -1.27% ↑ | 3.52% ↓   | -25.17% | 05/01/2018         |
| Orange Juice | 138.9 ↓      | -0.43% ↑ | 1.61% ↓  | -14.29% ↓ | -27.24% | 05/01/2018         |
| Sugar        | 15.11 ↓      | -0.92% ↓ | -0.33% ↑ | 4.57% ↓   | -27.18% | 05/01/2018         |

| Công nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi |          |          |        | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|----------|--------|--------------------|
|             |              | 1 Ngày   | 1 Tuần   | 1 Tháng  | 1 Năm  |                    |
| Live Cattle | 122.25 ↓     | -0.57% ↓ | -1.85% ↑ | 5.00% ↑  | 6.24%  | 05/01/2018         |
| Bitumen     | 2488 ↑       | 0.24% ↑  | 2.81% ↓  | -0.48% ↑ | 2.13%  | 05/01/2018         |
| Steel       | 4175 ↓       | -1.32% ↓ | -1.72% ↓ | -3.89% ↑ | 41.05% | 05/01/2018         |
| Lead        | 2586.5 →     | 0.00% ↑  | 4.47% ↑  | 3.13% ↑  | 29.42% | 05/01/2018         |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingeconomics.com)

Ngày 05/01/2018

**DANH MỤC CỦA CANSLIM**
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CÒN MỞ TRẠNG THÁI**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ghi chú |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|
| * PGC       | Mua     | Mở         | 13.5        | 15.0         | 24.1         | ↑ 78.5%          | ↑ 10.7%         | 04/05/2017 |         |
| * NTL       | Mua     | Mở         | 9.6         | 10.0         | 12.0         | ↑ 25.0%          | ↑ 4.2%          | 14/11/2017 |         |
| * DVN       | Mua     | Mở         | 16.1        | 17.0         | 28.0         | ↑ 73.9%          | ↑ 5.6%          | 14/11/2017 |         |
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | ↑ 6.8%          |            |         |

**CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG TRONG THÁNG**

| Mã CP       | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ngày đóng TT |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|--------------|
| VNM         | Mua     | Đóng       | 115.0       | 138.0        | 140.0        | ↑ 21.7%          | ↑ 20.0%         | 27/01/2016 | 17/03/2016   |
| BTP         | Mua     | Đóng       | 11.4        | 15.8         | 15.3         | ↑ 34.2%          | ↑ 38.6%         | 16/02/2016 | 25/03/2016   |
| INN         | Mua     | Đóng       | 36.0        | 49.8         | 49.0         | ↑ 36.1%          | ↑ 38.3%         | 19/01/2016 | 13/04/2016   |
| KBC         | Mua     | Mở         | 13.1        | 15.0         | 15.5         | ↑ 18.3%          | ↑ 14.5%         | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| BPC         | Mua     | Mở         | 12.4        | 17.5         | 20.0         | ↑ 61.3%          | ↑ 41.1%         | 20/01/2016 | 08/06/2016   |
| PMC         | Mua     | Mở         | 49.0        | 60.7         | 72.4         | ↑ 47.8%          | ↑ 23.9%         | 26/04/2016 | 08/06/2016   |
| * BCC       | Mua     | Mở         | 14.8        | 19.1         | 18.4         | ↑ 24.3%          | ↑ 29.1%         | 19/12/2016 | 20/02/2017   |
| * HVT       | Mua     | Mở         | 19.5        | 27.8         | 25.0         | ↑ 28.2%          | ↑ 42.6%         | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| * NLG       | Mua     | Mở         | 21.8        | 26.8         | 27.8         | ↑ 27.5%          | ↑ 22.7%         | 19/12/2016 | 16/03/2017   |
| * VNM       | Mua     | Mở         | 124.6       | 151.7        | 150.0        | ↑ 20.4%          | ↑ 21.7%         | 20/12/2016 | 29/05/2017   |
| Trung bình: |         |            |             |              |              |                  | ↑ 31.0%         |            |              |

(Cập nhật ngày 31/07/2017)

**NHẬN ĐỊNH CỦA ASEANSC**

Chúng tôi cho rằng thị trường điều chỉnh là cơ hội để các nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và mua lại những cổ phiếu cơ bản tốt. Chúng tôi đánh giá thị trường có những rủi ro nhất định trong ngắn hạn, nhưng sẽ sớm hồi phục và tiếp tục tăng trưởng ngay trong quý III và quý IV năm nay, vì lực đẩy của nền kinh tế đang còn rất mạnh. Chính phủ mới đang thể hiện quyết tâm cải cách, thu hút nhiều sự quan tâm của các NĐT trên toàn cầu. Một số cổ phiếu nhà đầu tư lên theo dõi: PGC (triển vọng tốt); VGT (triển vọng tốt); CSV (nhà máy đã khấu hao hết, tiết kiệm được gần 80 tỷ mỗi năm); VGS (giá thép phục hồi); IJC (triển vọng tốt); NTL (dự kiến lợi nhuận đột biến từ bán dự án); PVD (giá dầu phục hồi); SHB (lợi nhuận tăng trưởng mạnh); SCR (triển vọng tốt); DCM, DPM (ngành phân bón dự kiến hưởng lợi từ hoàn thuế GTGT); VJC (dự kiến tăng giá vé máy bay); PNJ (tăng trưởng nhanh nhờ việc mở rộng mạng lưới bán lẻ).

Ngày 05/01/2018

**BÁO CÁO CÔNG TY (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên công ty | Ngày phát hành | Khuyến nghị    | Giá mục tiêu         | Chi tiết  |
|-------------|----------------|----------------|----------------------|-----------|
| IJC         | 15/11/2017     | Mua [+30%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| NTL         | 14/11/2017     | Mua [+24%]     | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VPB         | 17/08/2017     | Mua [+26%]     | 49.200 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DRC         | 27/07/2017     | Bán [-21%]     | 21.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LTG         | 26/07/2017     | Bán [-19%]     | 44.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VGC         | 27/06/2017     | Nắm giữ [-8%]  | 17.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LIC         | 31/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| VGC         | 25/05/2017     | Mua [+41%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CTF         | 23/05/2017     | Nắm giữ [+9%]  | 13.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CDN         | 22/05/2017     | Mua [+29%]     | 30.800 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DP2         | 19/05/2017     | Không đánh giá | N/A                  | Tài xuống |
| DVN         | 18/05/2017     | Mua [+282%]    | 39.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CSV         | 10/05/2017     | Mua [+69%]     | 50.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TRC         | 09/05/2017     | Nắm giữ [+8%]  | 31.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| PGC         | 28/04/2017     | Mua [+81%]     | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TMT         | 21/04/2017     | Nắm giữ [+3%]  | 13.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VTG         | 23/03/2017     | Mua [+29%]     | 14.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DIG         | 23/03/2017     | Nắm giữ [+0%]  | 9.100 đồng/cổ phiếu  | Tài xuống |
| TMT         | 20/03/2017     | Mua [+42%]     | 18.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CMC         | 20/03/2017     | Mua [+160%]    | 13.500 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |

| Khuyến nghị      | Diễn giải                                              |
|------------------|--------------------------------------------------------|
| Kỳ vọng 12 tháng |                                                        |
| Mua              | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15%       |
| Nắm giữ          | Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15% |
| Bán              | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15%     |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-cong-ty>

Ngày 05/01/2018

## BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)

| Tên báo cáo                                           | Chi tiết  |
|-------------------------------------------------------|-----------|
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Quý 2/2017           | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Quý 2/2017       | Tải xuống |
| Báo cáo triển vọng ngành 2017 - ASEANSC               | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Bất động sản – Tháng 6/2016    | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Sản xuất thép – Tháng 6/2016   | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Tháng 5/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dịch vụ du lịch – Tháng 5/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thủy sản – Tháng 4/2016        | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Tháng 4/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Khu công nghiệp – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Tháng 3/2016     | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cảng biển – Tháng 3/2016       | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cao su tự nhiên – Tháng 2/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Nhiệt điện – Tháng 2/2016      | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Tháng 2/2016         | Tải xuống |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cau-nganh>

Ngày 05/01/2018

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)**

| Tên báo cáo                                                  | Chi tiết  |
|--------------------------------------------------------------|-----------|
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LIX, LM8, LSS, MBB (18/10/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LCG, LDG, LHG, BCC (13/10/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM (25/08/2017)                | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHB (23/08/2017)                | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – NTL (28/07/2017)                | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – PVD (24/07/2017)                | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HUT (21/07/2017)                | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VGS (20/07/2017)                | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – KDC, KDH, KMR, KLF (18/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – IVS, ITA, ITD, KBC (17/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HT1, HTI, HVG, IDI (13/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HNG, HPG, HQC, HSG (12/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HBC, HCM, HDC, HHS (11/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HAG, HAH, HAI, HAR (10/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – FMC, FPT, GAS, GMD (06/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – EIB, ELC, FCM, FLC (05/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DPM, DQC, DRC, DXG (04/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DHM, DIC, DRH, DLG (03/07/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM, DCL, DCS, DIG (30/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DBC, EVE, FCN, FIT (29/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CSM, CCL, CNG, CLL (28/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CMG, CTD, CTG, CVT (26/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BMI, BVS, BVH, BTP (23/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BHS, BCG, CEO, CII (22/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – AAA, ACB, BID, BIC (21/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VTO, TNG, VIX, MBS (20/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNE, VNM, VSC, VSH (19/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VIS, VHG, VIC, VIP (16/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VCG, VGS, VND, VKC (15/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TIG, TVS, VCB, VHC (14/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TCL, TCM, TDH, TSC (13/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SVC, SCR, VNS, TLH (12/06/2017) | Tải xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHS, SRC, SJS, STB (09/06/2017) | Tải xuống |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-phan-tich-ky-thuat>

Ngày 05/01/2018

**LỊCH SỰ KIỆN CHỨNG KHOÁN NỔI BẬT**

| Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày TH    | Mã CK | Sàn   | Nội dung sự kiện                               | Giá HT | Thay đổi      |
|------------|------------|------------|-------|-------|------------------------------------------------|--------|---------------|
| n/a        | 05/01/2018 | 08/01/2018 | SGR   | UPCoM | Hủy niêm yết cổ phiếu                          | 33.5   | 1.5 (4.69%)   |
| n/a        | 05/01/2018 | 16/01/2018 | TNY   | UPCoM | Hủy niêm yết cổ phiếu                          | 8      | 0 (0%)        |
| 05/01/2018 | 08/01/2018 | 29/01/2018 | PCT   | HNX   | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018                  | 9.5    | 0 (0%)        |
| 05/01/2018 | 08/01/2018 | #REF!      | TCD   | HOSE  | Lấy ý kiến CĐ bằng VB                          | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | HDB   | HOSE  | Giao dịch lần đầu - 980,999,979 CP             | n/a    | 0 (0%)        |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | VIW   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 58,018,600 CP              | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | EMS   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 9,159,125 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | SON   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 9,729,930 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | BBM   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 2,000,000 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | DSC   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 6,000,000 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | QLD   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 1,207,400 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | TA3   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 2,309,908 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | DTI   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 11,100,000 CP              | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | BTN   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 3,000,000 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | HAB   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 2,000,000 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 05/01/2018 | SUM   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 2,380,000 CP               | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 08/01/2018 | HPU   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 2,000,000 CP               | 13.8   | 0 (0%)        |
| n/a        | n/a        | 08/01/2018 | GLW   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 18,000,000 CP              | n/a    | 0 (0%)        |
| 08/01/2018 | 09/01/2018 | 24/01/2018 | DRL   | HOSE  | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | 54     | 0 (0%)        |
| n/a        | n/a        | 08/01/2018 | AVC   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 75,052,052 CP              | n/a    | n/a           |
| n/a        | n/a        | 08/01/2018 | IKH   | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 1,571,000 CP               | n/a    | n/a           |
| 08/01/2018 | 09/01/2018 | 07/02/2018 | DSN   | HOSE  | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018                  | 64.3   | -0.3 (-0.46%) |

Cập nhật ngày 05/01/2018

**ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BẢN TIN VÀ KHUYẾN CÁO**

Điều kiện sử dụng bản tin: Bản tin nhận định thị trường này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN cung cấp cho một bộ phận khách hàng nhất định có mở tài khoản tại Công ty. Mọi sự cung cấp khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều bị coi là vi phạm bản quyền.

Khuyến cáo: Nội dung trong bản tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tổng hợp và phân tích từ các nguồn thông tin đại chúng được xem là đáng tin cậy và chỉ đơn thuần phục vụ mục đích tham khảo. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ quyết định mua hay bán khi khách hàng sử dụng các thông tin trên.